

Số: 338/BC-BCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
THÁNG 9 NĂM 2025

Kinh tế thế giới những tháng cuối năm tuy đứng vững và tránh được nguy cơ suy thoái trên diện rộng nhưng vẫn khó dự đoán do tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố khó lường. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong ngắn hạn được dự báo sẽ ổn định song vẫn ở mức thấp bởi những yếu tố gây bất ổn dai dẳng như căng thẳng địa chính trị, xung đột vũ trang leo thang tại nhiều khu vực, hiện tượng thiên tai, thời tiết cực đoan,... làm chính sách kinh tế của nhiều quốc gia thiếu tính bền vững, trong đó có chính sách thuế quan của Mỹ bắt đầu tác động tăng giá hàng hóa tiêu dùng dù lạm phát tổng thể của Mỹ vẫn duy trì ở mức độ vừa phải; Thị trường tài chính, tiền tệ biến động, tăng trưởng tín dụng ngân hàng phục hồi ở mức thấp tại một số nền kinh tế phát triển nhưng các điều kiện tài chính toàn cầu đã thuận lợi hơn khi chính sách thuế quan thực tế của Hoa Kỳ thấp hơn so với công bố ban đầu; Lạm phát tiếp tục có xu hướng giảm. Giá dầu ổn định gây áp lực giảm đáng kể lên giá hàng hoá trong những tháng tới. Giá nguyên vật liệu, giá hàng hóa thiết yếu, giá hàng hóa phi năng lượng, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí dịch vụ tăng nhẹ. Vàng tiếp tục có mức tăng giá vượt trội trong môi trường có áp lực lạm phát và sự suy yếu của đồng đô la Mỹ đã phản ánh niềm tin của nhà đầu tư xem vàng là một tài sản an toàn hơn là những tài sản trên giấy và tiền giấy, đồng thời, cũng phản ánh sự đan xen giữa rủi ro và cơ hội cho một số quốc gia.

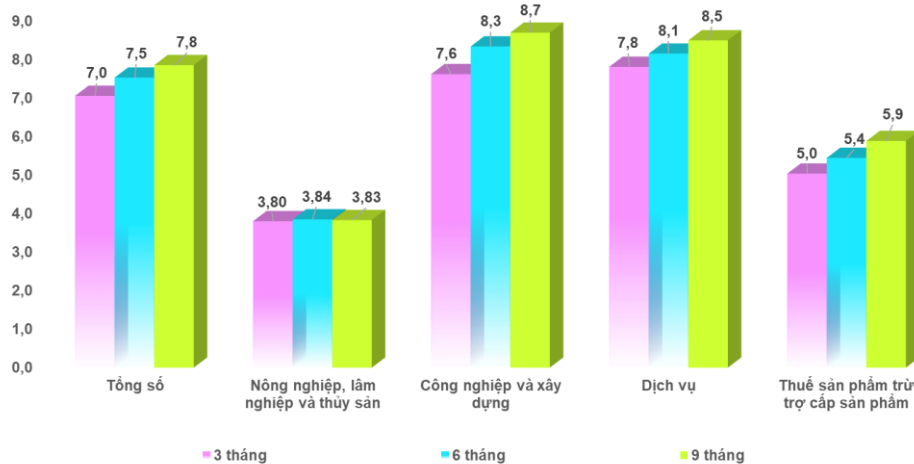
Trong tháng 9, một số tổ chức quốc tế đã điều chỉnh nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu do nhiều yếu tố, trong đó, các điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi như lạm phát giảm, chính sách tài khóa hỗ trợ và thị trường lao động thắt chặt đã góp phần tăng thu nhập thực tế và chi tiêu tại một số nền kinh tế lớn. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế vững tại các thị trường mới nổi và nhu cầu gia tăng đối với sản phẩm liên quan đến trí tuệ nhân tạo cũng là một yếu tố trong việc thúc đẩy thương mại toàn cầu; Dòng vốn đầu tư quốc tế có xu hướng dịch chuyển sang các thị trường mới nổi và tập trung vào các ngành công nghệ cao, bán dẫn, điện tử, năng lượng tái tạo; nhiều nền kinh tế điều chỉnh chiến lược thương mại, tái cấu trúc chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư, hướng đến sự an toàn, ổn định, bền vững.

Triển vọng kinh tế Việt Nam những tháng cuối năm bắt nguồn từ những quyết sách đột phá nhằm khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển. Trong thời gian ngắn đã tập trung hoàn thành khối lượng công việc khổng lồ từ cuộc cách mạng về sắp xếp đơn vị hành chính đến việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp

luật, phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương. Các nghị quyết lớn của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế đã được triển khai quyết liệt, tạo ra một không gian phát triển mới cho nền kinh tế, trong đó, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được coi là những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

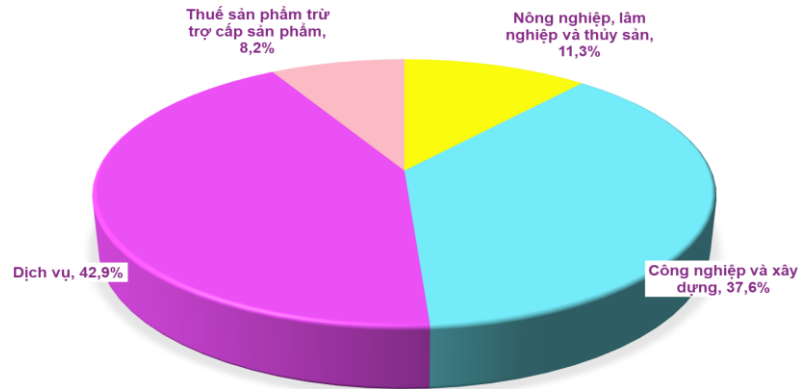
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động với những thách thức từ lạm phát, biến đổi khí hậu đến cạnh tranh công nghệ, Việt Nam vừa nỗ lực tăng trưởng kinh tế, vừa bảo đảm an sinh xã hội. Xu hướng chuyển đổi xanh và kinh tế số ngày càng rõ nét, vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho Việt Nam trong việc thu hút đầu tư, tiếp cận thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định được hướng đi đó nên Việt Nam đã tập trung đầu tư rất mạnh cho hạ tầng giao thông và hạ tầng công nghệ số, đường truyền tốc độ cao, trung tâm dữ liệu quốc gia, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo. Doanh nghiệp Việt Nam đã tận dụng tốt các FTA, đặc biệt là FTA thế hệ mới để tạo ra cơ hội mở rộng xuất nhập khẩu, tiếp cận các thị trường lớn, đồng thời, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện năng lực sản xuất, chất lượng và tính bền vững trong chuỗi cung ứng. Vì vậy, tăng trưởng kinh tế tháng sau tốt hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước trên hầu hết các lĩnh vực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 3 tháng tăng 7,0%; 6 tháng tăng 7,5% và 9 tháng ước tăng 7,85%.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC NĂM 2025 (%)



Chuyển dịch cơ cấu kinh tế 9 tháng theo hướng tích cực: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ nên tỷ trọng từ 11,48% 3 tháng xuống 11,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng từ 36,37% 3 tháng tăng lên 37,58% do giá trị tăng thêm của một số ngành công nghiệp trọng điểm tăng cao (trong đó, công nghiệp chiếm tỷ trọng từ 31,43% 3 tháng tăng lên 31,81%); khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 43,47% 3 tháng xuống 42,92% (trong đó, bán buôn bán lẻ chiếm 9,96%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,20%.

CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2025

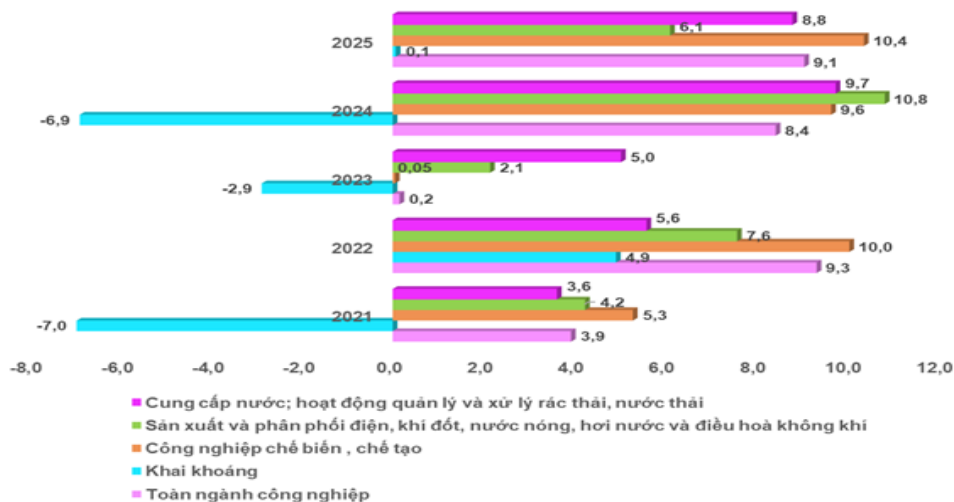


Thực hiện nghiêm túc Công điện số 128/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chủ động bám sát chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, Bộ Công Thương luôn linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành theo diễn biến toàn cầu, thực thi các chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, huy động nguồn lực phát triển, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ để thúc đẩy sản xuất, tăng cường lưu thông hàng hóa và ổn định thị trường. Đến hết tháng 9, kết quả hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại như sau:

I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

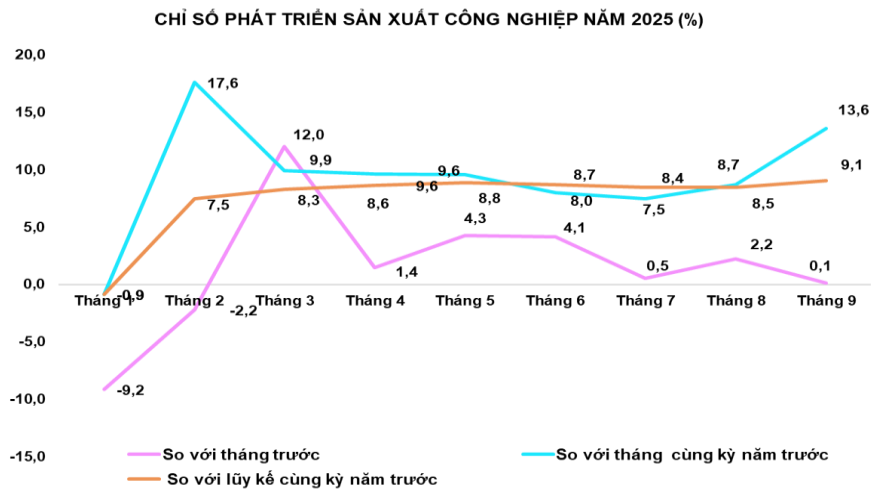
1. Tình hình sản xuất

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 9 THÁNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (%)



Nhu cầu hàng hóa quốc tế vẫn ở mức thấp nhưng sự ổn định trong chính sách thuế quan của Mỹ đã giúp một số doanh nghiệp công nghiệp lớn có được đơn hàng mới từ nước ngoài. Hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh cũng đồng nghĩa với việc gia tăng sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng, thiết bị cơ điện, logistics và dịch vụ hỗ trợ thi công nhưng hoạt động sản xuất sản phẩm chế biến lại có nguy cơ gặp khó khăn do phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Nhìn chung, chỉ số sản xuất của các ngành công nghiệp thành phần (nhất là

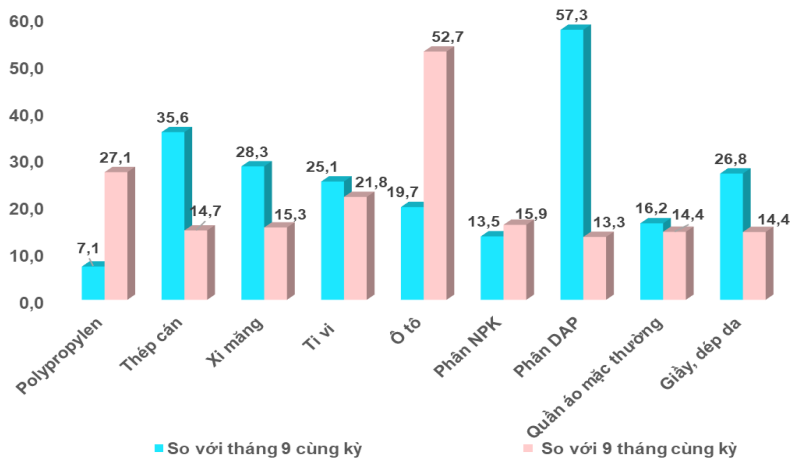
ngành khai khoáng và sản xuất và phân phối điện) tháng 9 đều tăng khá cao so với cùng kỳ do tháng 9 năm 2024 bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão Yagi và lũ lụt ở một số tỉnh phía Bắc. Ngoài ra, các điều kiện kinh doanh từ đầu quý II đến nay đã được cải thiện nên sau 2 tháng liên tiếp, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 9 tăng tới 13,6% so với cùng kỳ chủ yếu do ngành khai khoáng tăng 22,4% và sản xuất và phân phối điện tăng 15,4%. Tính chung 9 tháng, IIP tăng 9,1% so với cùng kỳ (tăng 0,6 điểm % so với tốc độ tăng 8 tháng), trong đó: Ngành khai khoáng tăng 0,1% (tăng 1,2 điểm % so với tốc độ tăng 8 tháng); công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,4% (tăng 0,4 điểm % so với tốc độ tăng 8 tháng); sản xuất và phân phối điện tăng 6,1% (tăng 1,2 điểm % so với tốc độ tăng 8 tháng); cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,8% (giảm 0,3 điểm % so với tốc độ tăng 8 tháng) (Phụ lục 1).



Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng của một số ngành tăng cao so với cùng kỳ như: Sản xuất xe có động cơ tăng 26,0%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 17,3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 15,6%; sản xuất trang phục tăng 13,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,7%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 12,5%; sản xuất kim loại tăng 11,3%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,6%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 10,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,3%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 9,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 7,9%;... Ngược lại, chỉ số IIP của ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4,7%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu giảm 3,1%; khai thác quặng kim loại giảm 0,1%.

Một số sản phẩm công nghiệp 9 tháng tăng so với cùng kỳ như: Ô tô tăng 52,7%; ti vi tăng 21,8%; phân hỗn hợp NPK tăng 15,9%; xi măng tăng 15,3%; thép cán tăng 14,7%; quần áo mặc thường và giày, dép da cùng tăng 14,4%; thức ăn cho thủy sản tăng 14,2%; đường kính tăng 12,8%;... Ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước như: Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 8,3%; vải dệt từ sợi nhân tạo giảm 2,4%; dầu mỏ thô khai thác giảm 1,1% (Phụ lục 2).

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO SO VỚI CÙNG KỲ (%)



Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng so với cùng kỳ của 19/34 tỉnh tiếp tục tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung (Tăng thêm 01 tỉnh so với 8 tháng) gồm: Phú Thọ tăng 27,7%; Ninh Bình tăng 22,0%; Huế tăng 18,4%; Quảng Ninh tăng 17,0%; Nghệ An tăng 16,4%; Lai Châu tăng 16,0%; Bắc Ninh tăng 15,7%; Thanh Hóa tăng 15,2%; Tây Ninh và Hải Phòng cùng tăng 15,1%; An Giang tăng 14,3%; Đồng Nai tăng 14,0%; Đồng Tháp tăng 13,3%; Đắk Lắk tăng 12,4%; Hưng Yên tăng 11,5%; Đà Nẵng tăng 10,5%; Quảng Ngãi tăng 10,2%; Thái Nguyên và Gia Lai cùng tăng 9,5%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,1% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2024 tăng 12,5%) (Phụ lục 3).

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 30/9/2025 ước tăng 4,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 13,3% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2024 tăng 8,5%) (Phụ lục 4).

2. Tình hình sản xuất nổi bật của một số ngành

2.1. Ngành Điện

Tháng 9, theo dõi, bám sát tình hình vận hành hệ thống điện và các yếu tố liên quan tới vận hành hệ thống trong thực tế để lập phương thức huy động các nhà máy điện hợp lý để đảm bảo cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải trong các khung giờ cao điểm, nhất là vào những ngày cả nước tổ chức kỷ niệm chào mừng 80 năm ngày Tết Độc lập. Vào ngày 05/9, công suất lớn nhất là 49.258 MW và sản lượng phụ tải của hệ thống lớn nhất đạt 1,01 tỷ kWh. Trong tháng, thời tiết mưa bão nhiều nhưng so với cùng kỳ điện sản xuất vẫn tăng cao do cùng kỳ năm 2024 chịu cơn bão Yagi và các thảm họa thiên tai liên tiếp sau bão tại Miền Bắc nên điện sản xuất ước đạt gần 28,4 tỷ kWh, tăng 14,0% so với cùng kỳ; tính chung 9 tháng ước đạt trên 247,1 tỷ kWh, tăng 5,5% so với cùng kỳ. Điện thương phẩm tháng 9 ước đạt 25,5 tỷ kWh, tăng 12,8% so với cùng kỳ; tính chung 9 tháng ước đạt 217,1 tỷ kWh, tăng 4,7% so với cùng kỳ, trong đó: Điện cấp cho nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,8%; điện cấp cho sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 7,3%; cấp cho thương nghiệp và khách sạn nhà

hàng tăng 5,2%; cấp cho quản lý và tiêu dùng dân cư giảm 0,7% cho thấy điện mặt trời mái nhà tự tiêu dùng tại chỗ phần nào giảm áp lực cho hệ thống điện quốc gia và góp phần bảo vệ môi trường.

2.2. Ngành Dầu khí

Tháng 9, việc vận hành các mỏ khai thác dầu, khí ổn định theo kế hoạch; các nhà máy lọc dầu vận hành tối đa công suất. Hoạt động đầu tư được đẩy nhanh tiến độ; công tác đảm bảo an ninh, an toàn sản xuất tại tất cả các đơn vị/công trình/nhà máy/giàn khoan đều thực hiện thông suốt. Tuy nhiên, các yếu tố bất ổn toàn cầu tiếp tục ảnh hưởng lớn đến thị trường năng lượng, làm tăng chi phí và rủi ro vận hành, gây khó khăn cho việc thu xếp vốn, gây biến động không nhỏ về cung cầu và giá (Giá dầu xuất bán tiếp tục giảm 4% so với tháng 8). Ngoại trừ sản lượng khai thác dầu và khí giảm, các sản phẩm còn lại đều đạt và vượt kế hoạch tăng trưởng so với cùng kỳ: Dầu thô khai thác tháng 9 ước đạt 0,84 triệu tấn, tăng 6,4%, tính chung 9 tháng ước đạt 7,37 triệu tấn, giảm 0,8%; sản lượng khí đốt thiên nhiên ước đạt 0,5 tỷ m³, tăng 26,9%, tính chung 9 tháng ước đạt 4,4 tỷ m³, giảm 8,3%; sản lượng khí hóa lỏng (LPG) tháng 9 ước đạt 63,5 nghìn tấn, tăng 14,1%, tính chung 9 tháng ước đạt 602,6 nghìn tấn, tăng 8,2%; xăng dầu các loại tháng 9 ước đạt gần 1,54 triệu tấn, tăng 23,2%, tính chung 9 tháng ước đạt trên 13,5 triệu tấn, tăng 7,9%; polypropylen tháng 9 ước đạt 15,1 nghìn tấn, tăng 7,1%, tính chung 9 tháng ước đạt 132,3 nghìn tấn, tăng 27,1%;... Ngành Dầu khí tiếp tục giữ vững vai trò trụ cột trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tạo dựng nền tảng vững chắc để bứt phá trong những tháng cuối năm.

2.3. Ngành Than và Khoáng sản

Trước tình hình kinh tế thế giới phục hồi chậm ảnh hưởng lớn đến sản xuất và tiêu thụ than, ngành Than và Khoáng sản đã chủ động xây dựng phương án và triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo duy trì sản xuất ổn định và an toàn cho các kho chứa than trong mùa mưa bão, đồng thời, bám sát tình hình sản xuất kinh doanh để tiết giảm chi phí và giảm gánh nặng về giá thành. Sản lượng than sạch tháng 9 ước đạt trên 3,4 triệu tấn, tăng 62,7% so với cùng kỳ (tăng cao so với cùng kỳ là do tháng 9 năm 2024, vùng Than Quảng Ninh chịu ảnh hưởng của bão Yagi nặng nề nhất), tính chung 9 tháng ước đạt gần 34,4 triệu tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp được duy trì ổn định so với cùng kỳ: Sản lượng alumin 9 tháng tăng 4,2%; đồng tấm tăng 5,6%; vàng tăng gần 18,7% và bạc tăng trên 10,9%;... nhưng khai thác quặng apatit chỉ tăng 0,6%. Xuất khẩu than 9 tháng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tăng trên 4,3% so với cùng kỳ nhưng tiêu thụ trong nước lại giảm 2,1% so với cùng kỳ (chủ yếu do tiêu thụ cho hệ điện giảm 4,2% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, lượng tồn kho than và khoáng sản tăng cao (trong đó, tồn kho than thành phẩm tăng 47,7% và alumin tăng 42,1% so với cùng kỳ). Vì vậy, doanh nghiệp cần kiểm soát để điều tiết sản xuất cho phù hợp.

2.4. Ngành Thép và Vật liệu xây dựng

Tháng 9, thị trường thép không có nhiều đột biến. Giá bán các loại thép xây dựng và vật liệu xây dựng tiếp tục tăng nhẹ so với tháng 8 do giá nguyên liệu, chi phí đầu vào, dịch vụ vận chuyển tăng. Cùng với vai trò hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng, 9 tháng sản xuất sắt thép cán ước đạt trên 13,1 triệu tấn, tăng 14,7% so với cùng kỳ; thép thanh, thép góc ước đạt gần 10,5 triệu tấn, tăng 7,7% so với cùng kỳ; xi măng ước đạt 136,7 triệu tấn, tăng 15,3% so với cùng kỳ;... Từ nay đến cuối năm, nhu cầu thép xuất khẩu và vật liệu xây dựng có xu hướng tăng mạnh. Trong nước, thông thường vào thời điểm này các doanh nghiệp đua nhau trữ hàng để chờ đến mùa xây dựng bùng ra bán với giá cao nhưng năm nay tập trung đầu tư rất mạnh cho hạ tầng giao thông như đường bộ cao tốc, các cảng hàng không quốc tế, đường sắt tốc độ cao, cảng biển quốc tế nên mức tồn kho thép và vật liệu xây dựng đủ gói đầu cho thị trường trong tháng tới. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp tối ưu hóa quy mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh quốc tế và củng cố vị thế của ngành trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

2.5. Ngành Hoá chất và Phân bón

Từ đầu năm đến nay, giá phân bón tăng cao hơn cùng kỳ, đặc biệt là mặt hàng phân urê. Những nỗ lực tối ưu hóa chi phí và cải tiến công nghệ đã giúp doanh nghiệp tận dụng tốt làn sóng phục hồi nhu cầu. Chỉ số sản xuất công nghiệp hóa chất và sản phẩm hóa chất 9 tháng ước tăng 8,5% so với cùng kỳ. Ngược lại, các nhà máy sản xuất phân bón được đảm bảo nguyên nhiên vật liệu nên 9 tháng sản xuất với công suất cao, tăng 2,0% so với cùng kỳ: Sản lượng phân đạm urê chỉ tăng 1,1%; phân NPK tăng 15,9%; phân DAP tăng 13,3%. Tuy nhiên, cầu các phân khúc hóa chất phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng như mỹ phẩm, chất tẩy rửa,... chưa có tín hiệu khởi sắc.

2.6. Ngành cơ khí, điện, điện tử, viễn thông

Tốc độ tăng chi phí đầu vào và giá bán hàng đã liên tục tăng trong những tháng gần đây gây áp lực hạn chế nhu cầu. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu của đang tăng cường quản lý chuỗi cung ứng, dự trữ nguyên liệu và đa dạng hóa đối tác cung cấp để duy trì hoạt động ổn định, đồng thời, tăng đầu tư dây chuyền hiện đại, công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa quy mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh quốc tế và củng cố vị thế của ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Năm nay, Việt Nam đầu tư rất mạnh cho hạ tầng công nghệ số, đường truyền tốc độ cao, trung tâm dữ liệu quốc gia, chuyển đổi số và AI nên so với cùng kỳ, chỉ số sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 9 tháng tăng 7,9%; chỉ số sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,7%; chỉ số sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu tăng 4,7%; chỉ số sản xuất thiết bị điện tăng 5,9%. Sản lượng ô tô 9 tháng ước đạt 338,4 nghìn chiếc, tăng 52,7% so với cùng kỳ chủ yếu do sản xuất các dòng xe ô tô tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường tăng mạnh; sản xuất tivi tăng 21,8%; mặc dù Việt Nam đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu điện thoại di động thông minh, thứ 5 về linh kiện máy tính,... nhưng sản xuất điện thoại thông minh tăng thấp 1,8%, giá trị thu được lại phải trả cho giá trị nhập khẩu

phụ tùng, nguyên vật liệu và lợi nhuận của nhà đầu tư chuyển về nước chủ nhà nên phân giá trị để lại trong nước thấp.

2.7. Ngành Dệt may

Xuất khẩu dệt may sang các thị trường chính như Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc tăng trưởng mạnh trong những tháng gần đây. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành may do có sự tranh mua nguyên liệu từ các quốc gia chuyên gia công hàng may mặc xuất khẩu. Vì vậy, song song với việc tiếp tục củng cố vị trí tại các thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng thêm các thị trường tiềm năng, doanh nghiệp hiện đang củng cố hệ thống phân phối sản phẩm để giữ vững thị phần ngay tại thị trường nội địa. Tháng 9 so với cùng kỳ, sản lượng quần áo mặc thường tăng 16,2%, tính chung 9 tháng tăng 14,4%; sản xuất nguyên liệu vải dệt từ sợi tự nhiên tháng 9 tăng 7,0% và 9 tháng tăng 9,0%; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo tăng 14,4% trong tháng 9 nhưng giảm 3,4% so với 9 tháng cùng kỳ.

2.8. Ngành Da giày

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp da giày nước ta bắt đầu nhộn nhịp trở lại từ quý II khi lượng đơn hàng xuất khẩu gia tăng và ổn định từ nay đến cuối năm. Từ đầu năm đến nay, ngành Da giày sản xuất ổn định ở mức khá cao. Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành da và sản phẩm da có liên quan tháng 9 tăng 8,2% và 9 tháng tăng 12,5% so với cùng kỳ. Sản lượng giày, dép da tháng 9 tăng cao, ước đạt 33,4 triệu đôi, tăng 26,8% so với cùng kỳ, tính chung 9 tháng ước đạt 280,0 triệu đôi, tăng 14,4% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này chưa phản ánh sự bền vững. Nhiều doanh nghiệp chịu áp lực rất lớn từ chi phí sản xuất trong nước tăng cao (chi phí nguyên phụ liệu, lao động, logistics) trong khi giá xuất khẩu bị ép giảm. Doanh nghiệp Việt Nam khó cạnh tranh trực diện về giá với Trung Quốc hay một số quốc gia lân cận do họ chủ động được nguồn cung trong nước và hệ thống hạ tầng, logistics vượt trội.

2.9. Ngành Thuốc lá

Tại các tuyến vận tải thương mại, tình trạng thiếu hụt tàu và container đã đẩy giá cước vận tải biển tăng cao và thời gian vận chuyển tăng, gây ảnh hưởng khá nhiều tới hoạt động xuất nhập khẩu thuốc lá và nguyên liệu. Để duy trì mức tăng trưởng từ đầu năm đến nay, ngành thuốc lá đã rất nỗ lực ổn định chi phí đầu vào, kiểm soát, điều tiết giá bán phù hợp, đa dạng hóa nguồn cung để giảm thiểu rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng. Sản lượng thuốc lá tháng 9 ước đạt 687,7 triệu bao, tăng 6,8% so với cùng kỳ; tính chung 9 tháng ước đạt gần 5,86 tỷ bao, tăng 6,2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lượng thuốc lá thành phẩm tồn kho vẫn tăng cao so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, quý III trùng với tháng Ramanda - mùa ăn chay của các nước Hồi giáo nên sản lượng xuất khẩu thuốc lá điều có sự sụt giảm nhất định. Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giá bán sản phẩm thuốc lá điều nội tiêu của một số sản phẩm được điều chỉnh tăng phù hợp so với chi phí nguyên, phụ liệu đầu vào tăng cao.

2.10. Ngành Đồ uống

Sức mua giảm, chi phí tăng, tác động của các chính sách hạn chế đồ uống có cồn và đồ uống có đường, cạnh tranh không lành mạnh,... là những yếu tố tác động mạnh tới tiêu thụ sản phẩm ngành đồ uống. Tiêu thụ nội địa trở thành động lực chính bù đắp cho xuất khẩu chậm. Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành đồ uống tháng 9 tăng 12,6% nhưng 9 tháng chỉ tăng 3,8% so với cùng kỳ, trong đó: Tiêu thụ bia tháng 9 tăng trưởng tốt hơn nên sản lượng sản xuất bia các loại ước đạt 423,6 triệu lít, tăng 14,6% so với cùng kỳ, tính chung 9 tháng ước đạt trên 3,36 tỷ lít, tăng 4.1% so với cùng kỳ. Sản phẩm rượu tiêu thụ khó khăn hơn do yếu tố mùa vụ. Sản phẩm nước giải khát tăng trưởng tốt nhưng sức cạnh tranh kém hơn các sản phẩm trôi nổi trên thị trường (như trà sữa, nước uống vỉa hè) hoặc các sản phẩm nhập khẩu cùng loại. Đối với sản phẩm sữa, tiềm năng thị trường nội địa rất lớn, nhu cầu tiêu thụ sữa tươi tăng trưởng mạnh nhưng sản lượng sữa tươi nguyên liệu trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu sản xuất.

Các ngành khác như: Ngành Giấy sản xuất gặp nhiều khó khăn do phải cạnh tranh gay gắt với sản phẩm giấy nhập khẩu. Thị trường tiêu thụ chậm, trong đó, mảng giấy in báo giảm mạnh nhất do người dân tiết kiệm chi tiêu và doanh nghiệp tiết kiệm quảng cáo trên báo hoặc chuyển sang các hình thức khác; Các ngành chế biến thực phẩm tháng 9 sản xuất ổn định và tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ. Tuy nhiên, trong bối cảnh cầu thế giới thấp, các doanh nghiệp cần chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất cho phù hợp, đồng thời, nhanh chóng tìm kiếm và mở rộng sang các thị trường tiềm năng nhằm phân tán rủi ro và nâng cao khả năng thích ứng trước biến động thương mại quốc tế.

II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

1. Xuất nhập khẩu hàng hoá

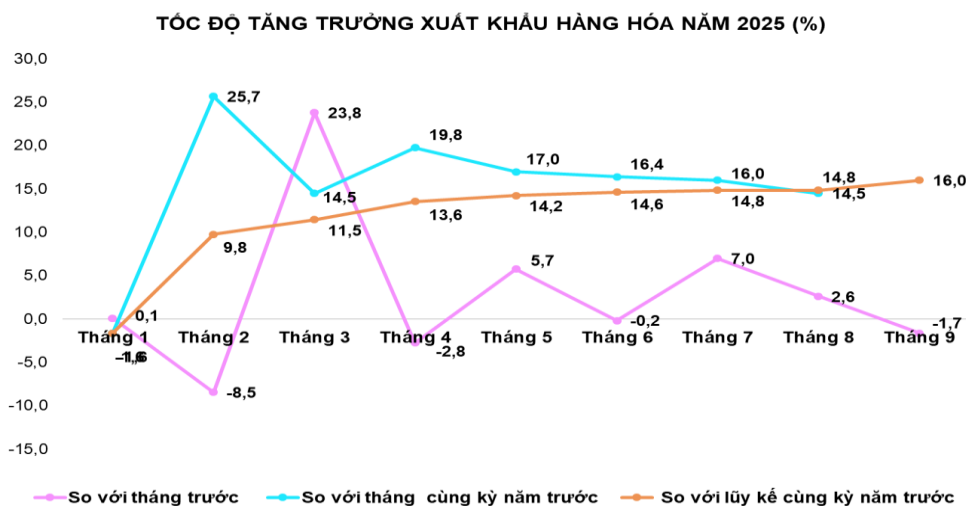
Hoạt động xuất nhập khẩu duy trì đà phục hồi và tăng trưởng bền vững, giữ vững vị thế trụ cột cho tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 9 tháng ước đạt gần 680,7 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ. Cán cân thương mại 9 tháng xuất siêu 16,8 tỷ USD, chiếm tỷ lệ 4,8% so với xuất khẩu đã khẳng định sức bật và nền tảng tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng khu vực doanh nghiệp trong nước có xu hướng giảm nhưng tăng trưởng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng cao.

1.1. Xuất khẩu

Từ đầu năm đến nay, thị trường xuất khẩu đang trải qua những biến động đáng kể. Hoạt động giao dịch vẫn chậm do nhu cầu toàn cầu yếu. Điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu tháng 9 là mặt hàng rau quả tăng 43,2% so với cùng kỳ (trong đó xuất khẩu rau quả vào Mỹ tăng 59,8%) và xuất siêu gần 1,1 tỷ USD; tính chung 9 tháng rau quả xuất siêu hơn 4,2 tỷ USD; đáng ngại là việc Philippines gia hạn lệnh tạm dừng nhập khẩu gạo tẻ thường thêm 60 ngày làm giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường nước này giảm 16,4% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu tháng 9 ước đạt gần 42,7 tỷ USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ, trong đó: Doanh nghiệp trong nước ước đạt gần 8,7 tỷ USD, giảm 8,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (có cả đầu thô) ước đạt 34,0 tỷ

USD, tăng 37,5%. Tính chung 9 tháng ước đạt gần 348,7 tỷ USD, tăng 16,0% so với cùng kỳ, trong đó: Doanh nghiệp trong nước ước đạt gần 85,4 tỷ USD, tăng 2,0%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (có cả dầu thô) ước đạt 263,3 tỷ USD, tăng 21,4%. Tính đến 9 tháng, tỷ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (có cả dầu thô) chiếm 75,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu; có 14 mặt hàng kim ngạch trên 5 tỷ USD (tăng 03 mặt hàng so với 8 tháng), chiếm 80,7% tổng kim ngạch xuất khẩu.



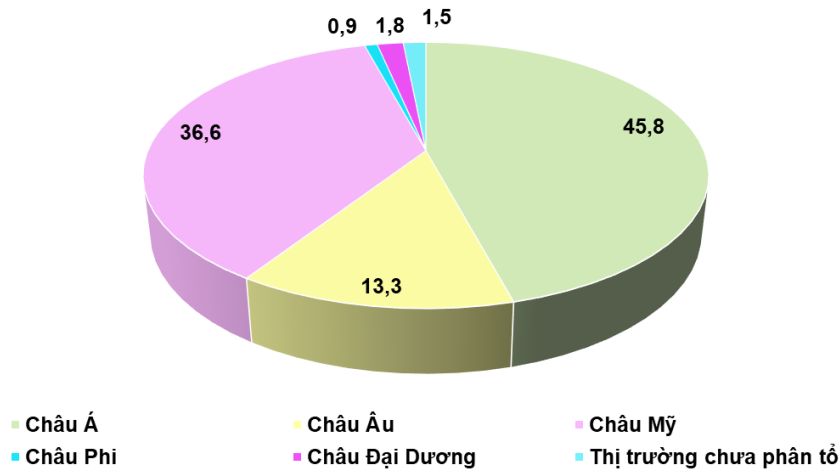
Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đạt 33,2 tỷ USD, tăng 15,2% và chiếm tỷ trọng 9,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, một số mặt hàng kim ngạch tăng như: Thủy sản tăng 13,0%; rau quả tăng 8,7%; nhân điều tăng 19,5%; cà phê tăng 62,2%; hạt tiêu tăng 27,8%;... nhưng kim ngạch chè các loại giảm 9,9%; gạo giảm 20,0%;... Nhóm nhiên liệu, khoáng sản đạt 1,9 tỷ USD, giảm 38,9% và chiếm tỷ trọng 0,6%, trong đó: Than đá giảm 14,8%; dầu thô giảm 32,6%; xăng dầu các loại giảm 51,1%... Nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 297,2 tỷ USD, tăng 16,7% và chiếm tỷ trọng khoảng 85,2%, trong đó: Sản phẩm chất dẻo tăng 13,0%; hàng dệt và may mặc tăng 8,6%; giày, dép các loại tăng 7,4%; sản phẩm từ sắt thép tăng 25,9%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 45,9%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 4,1%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 13,5%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 13,3%; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng 134,6%... nhưng chất dẻo nguyên liệu giảm 14,0%; xơ, sợi dệt các loại giảm 2,1%; sắt thép các loại giảm 28,3%; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện giảm 4,6%;... Kim ngạch nhóm hàng hóa khác tăng 17,3% và chiếm tỷ trọng 4,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu (Phụ lục 5).

Xét về giá, so với cùng kỳ, giá bình quân của một số mặt hàng tăng cao như: Nhân điều tăng 17,5%; cà phê tăng 46,3%; hạt tiêu tăng 37,4%; cao su tăng 10,9%; quặng và khoáng sản khác tăng 193,4%;... Một số mặt hàng giá giảm như: Gạo giảm 18,7%; sản và các sản phẩm từ sản giảm 33,1%; dầu thô giảm gần 16,3%; xăng dầu các loại giảm 17,8%;...

Xét về lượng, so với cùng kỳ, một số mặt hàng có lượng xuất khẩu tăng như: Cà phê tăng 10,9%; sản và các sản phẩm từ sản tăng 61,1%; than đá tăng

11,3%; Phân bón các loại tăng 28,6%;... Một số mặt hàng có lượng xuất khẩu giảm như: Chè các loại giảm 9,4%; hạt tiêu giảm 7,0%; gạo giảm 1,6%; dầu thô giảm 19,4%; xăng dầu các loại giảm 40,5%; quặng và khoáng sản khác giảm 66,4%; sắt thép các loại giảm 20,4%...

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU 9 THÁNG NĂM 2025
(%)



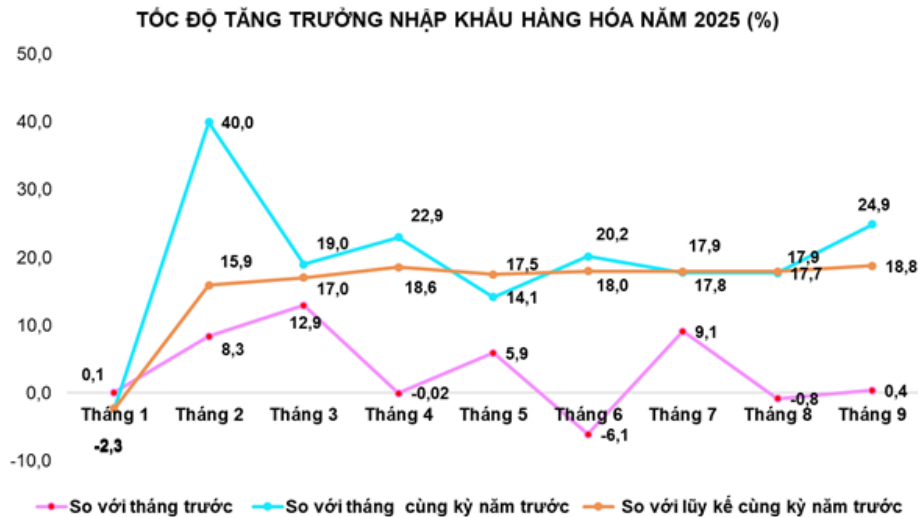
Xét theo thị trường, xuất khẩu sang thị trường Châu Á tăng 11,2%, chiếm tỷ trọng 44,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, ASEAN tăng 2,9% và chiếm tỷ trọng 8,2%, Trung Quốc tăng 11,3% và chiếm tỷ trọng 14,2%; thị trường Châu Âu tăng 9,0%, chiếm tỷ trọng 14,3%, trong đó EU tăng 9,3% và chiếm tỷ trọng 12,0%; thị trường Châu Mỹ tăng 26,8% và chiếm tỷ trọng 36,9%, trong đó Hoa Kỳ tăng 27,7% và chiếm tỷ trọng 32,3%; thị trường Châu Phi tăng 40,0%, chiếm tỷ trọng 0,9%; sang thị trường Châu Đại Dương giảm 1,5% và chiếm tỷ trọng 1,6%; thị trường chưa phân tổ chiếm tỷ trọng 1,9% (Phụ lục 6).

Xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 9 so với tháng 8 giảm 1,7%, trong đó, 5 mặt hàng có tốc độ tăng cao nhất: Cà phê tăng 81,7%, Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 57,2%; Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc tăng 19,4%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác tăng 18,9%; Sản phẩm gốm, sứ tăng 17,4%; 5 mặt hàng giảm nhiều nhất: Giày dép các loại giảm 28,2%; Cao su giảm 26,5%; Điện thoại các loại và linh kiện giảm 24,4%; Hàng dệt, may giảm 20,1%; Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù giảm 16,8%. Tính chung 9 tháng, xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng 16,0% so với cùng kỳ, trong đó, 5 mặt hàng có tốc độ tăng cao nhất: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng 244,7%; Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh tăng 102,3%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 74,3%; Cà phê tăng 65,3%; Sản phẩm hóa chất tăng 63,9%; 5 mặt hàng giảm nhiều nhất: Sắt thép các loại giảm 62,0%; Chè giảm 27,4%; Hạt điều giảm 17,3%; Thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 13,6%; Vải màn, vải kỹ thuật khác giảm 8,8%.

1.2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu tháng 9 ước đạt 39,8 tỷ USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ, trong đó: Doanh nghiệp 100% vốn trong nước ước đạt gần 10,9 tỷ USD, giảm

1,0%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 28,9 tỷ USD, tăng 38,6%. Tính chung 9 tháng, kim ngạch ước đạt 331,9 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ, trong đó: Doanh nghiệp 100% vốn trong nước đạt gần 105,7 tỷ USD, tăng 4,6%, chiếm tỷ trọng 31,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 226,2 tỷ USD, tăng 26,8%, chiếm tỷ trọng 68,2% tổng kim ngạch nhập khẩu. Có 15 mặt hàng kim ngạch nhập khẩu trên 5 tỷ USD (tăng 03 mặt hàng so với 8 tháng), chiếm tỷ trọng 74,3% tổng kim ngạch nhập khẩu.



Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ 9 tháng, kim ngạch của nhóm hàng cần nhập khẩu đạt gần 297,0 tỷ USD, tăng 19,5%, chiếm tỷ trọng 89,5%, trong đó: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng cao như: Thủy sản tăng 30,0%; hạt điều tăng 38,9%; phân bón tăng 32,6%; chất dẻo nguyên liệu tăng 8,9%; sản phẩm từ chất dẻo tăng 21,5%; gỗ và sản phẩm tăng 16,7%; giấy các loại tăng 10,3%; sản phẩm từ thép tăng 25,5%; kim loại thường khác tăng 16,6%; sản phẩm từ kim loại thường khác tăng 50,0%; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 39,0%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tăng 24,7%; dây điện và dây cáp điện tăng 37,9%; ô tô nguyên chiếc các loại (trừ xe dưới 9 chỗ) tăng 64,8%; Điện thoại các loại và linh kiện tăng 11,0%... nhưng kim ngạch của thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 4,0%; than đá giảm 16,2%; dầu thô giảm 6,3%; xăng dầu các loại giảm 12,1%; thép các loại 11,0%;... Nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu đạt gần 17,3 tỷ USD, tăng 14,6% và chiếm tỷ trọng 5,2%, trong đó: Rau quả tăng 14,9%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 23,5%; linh kiện phụ tùng ô tô tăng 21,6%; xe máy và linh kiện phụ tùng tăng 17,4%; hàng điện gia dụng và linh kiện tăng 11,6%;... Nhóm hàng hóa khác đạt gần 17,7 tỷ USD, tăng 10,5%, chiếm tỷ trọng 5,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu (Phụ lục 7).

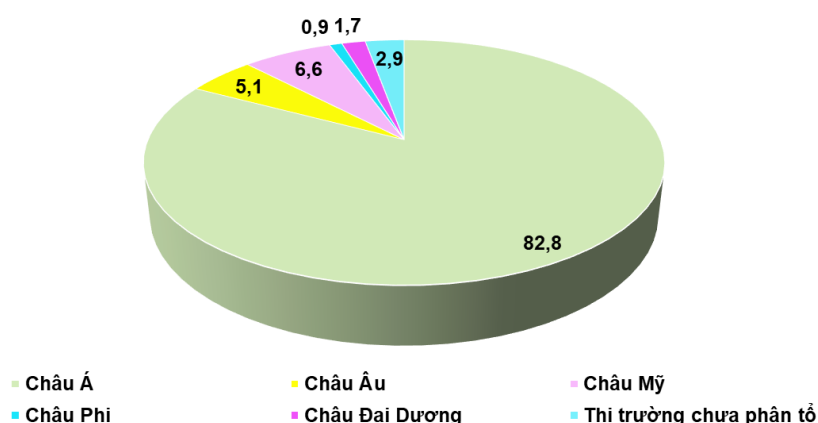
Xét về giá, so với cùng kỳ, giá nhập khẩu bình quân của một số mặt hàng như: Hạt điều tăng 23,5%; ngô tăng 2,6%; phân bón tăng 5,8%; cao su các loại tăng 7,3%; kim loại thường khác tăng 8,6%;... Tuy nhiên, đậu tương giảm 10,5%; than đá giảm 15,6%; dầu thô giảm 5,4%; xăng dầu các loại giảm 13,3%; chất dẻo nguyên liệu giảm 6,6%; giấy các loại giảm 8,2%; thép các loại giảm 2,4%...

Xét về lượng, so với cùng kỳ, lượng nhập khẩu một số mặt hàng như: Hạt điều tăng 12,4%; đậu tương tăng 22,4%; quặng và khoáng sản khác tăng 16,1%;

phân bón tăng 25,3%; chất dẻo nguyên liệu tăng 16,6%; giấy các loại tăng 20,1%; bông các loại tăng 19,8%; ô tô nguyên chiếc (trừ xe dưới 9 chỗ) tăng 69,8%... Tuy nhiên, lúa mì giảm 7,4%; Dầu thô giảm 0,9%; thép các loại giảm 8,9%;...

Xét theo thị trường, nhập khẩu từ Châu Á tăng 20,0%, chiếm tỷ trọng 82,8% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó, Trung Quốc tăng 27,9% và chiếm tỷ trọng 40,5%; Châu Âu tăng 5,5% và chiếm tỷ trọng 5,1%, trong đó EU tăng 4,1%, chiếm tỷ trọng 3,9%; Châu Mỹ tăng 16,3% và chiếm tỷ trọng 6,6%; Châu Phi tăng 4,7% và chiếm tỷ trọng 0,9%; Châu Đại Dương giảm 7,4% và chiếm tỷ trọng 1,7%, thị trường chưa phân tổ chiếm tỷ trọng 2,9% (Phụ lục 8).

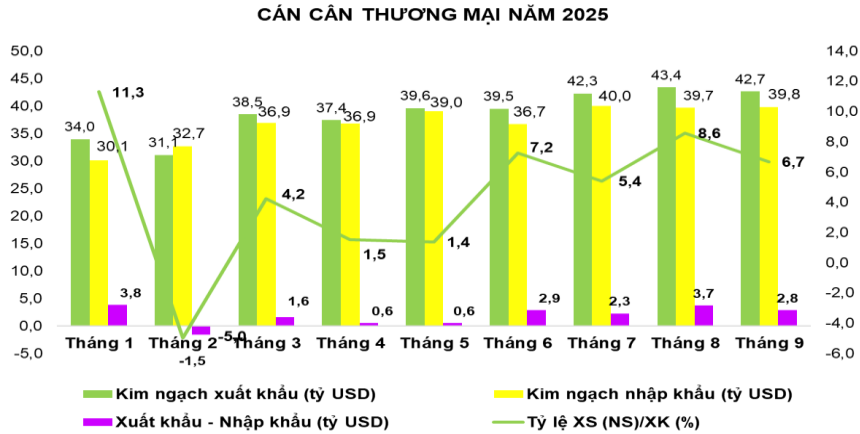
CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU 9 THÁNG NĂM 2025 (%)



Nhập khẩu sang Hoa Kỳ tháng 9 so với tháng 8 giảm 4,5%; 5 mặt hàng có tốc độ tăng cao nhất: Ô tô nguyên chiếc các loại tăng 4.000,3%; Dược phẩm tăng 143,4%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 138,7%; Sắt thép các loại tăng 81,5%; Hàng thủy sản tăng 79,0%; 5 mặt hàng giảm nhiều nhất: Nguyên phụ liệu thuốc lá giảm 64,8%; Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc giảm 62,3%; Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh giảm 61,2%; Kim loại thường khác giảm 58,9%; Phương tiện vận tải khác và phụ tùng giảm 43,2%. Tính chung 9 tháng tăng 23,6% so với cùng kỳ, 5 mặt hàng có tốc độ tăng cao nhất: Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 108,2%; Bông các loại tăng 91,2%; Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 83,9%; Hàng thủy sản tăng 80,6%; Dây điện và dây cáp điện tăng 48,5%; 5 mặt hàng giảm nhiều nhất: Điện thoại các loại và linh kiện giảm 64,8%; Sản phẩm từ giấy giảm 54,3%; Hóa chất giảm 32,3%; Cao su giảm 25,6%; Thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 22,2%.

1.3. Cán cân thương mại

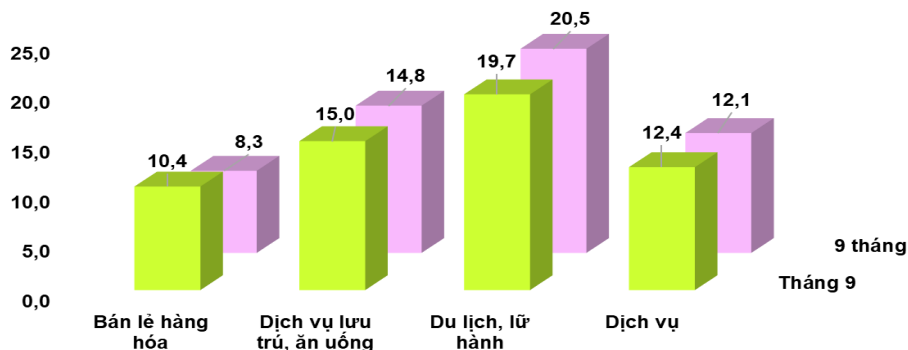
Tháng 9 xuất siêu 1,97 tỷ USD, bằng 2,85% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tính chung 9 tháng ước xuất siêu gần 17,7 tỷ USD, bằng 4,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) xuất siêu 36,1 tỷ USD, kể cả dầu thô xuất siêu gần 37,1 tỷ USD. Nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước gần 20,3 tỷ USD (Phụ lục 9).



2. Thị trường trong nước

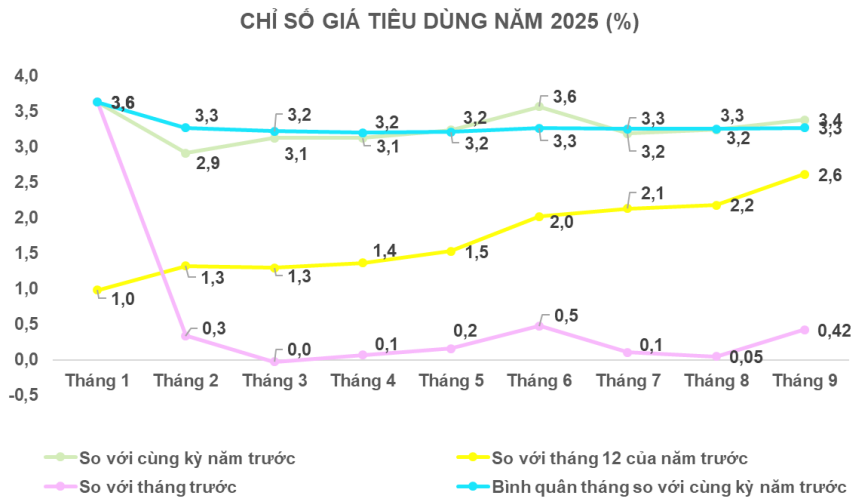
Trong tháng, sức mua tăng trưởng mạnh do thời điểm này chuẩn bị cho năm học mới và nhiều sự kiện lễ hội quy mô lớn chào mừng ngày Quốc khánh 2/9 trên cả nước. Nhiều doanh nghiệp bán lẻ đã đồng loạt triển khai các chương trình khuyến mãi, giảm giá sâu và đa dạng ưu đãi nhằm kích cầu tiêu dùng. Hàng hóa được trưng bày bắt mắt theo chủ đề Quốc khánh, đi kèm nhiều hoạt động trải nghiệm cho khách hàng. Quốc khánh năm nay không chỉ là thời khắc lịch sử mà còn là cú hích quan trọng cho ngành thương mại và du lịch từ nay đến cuối năm. Tuy nhiên, ba cơn bão trong tháng cùng với lũ quét, sạt lở đất tại các tỉnh miền núi phía Bắc và giá nguyên vật liệu nhập khẩu tác động mạnh, trực tiếp đến thị trường trong nước. Giá nguyên vật liệu đầu vào, giá hàng hóa thị trường tăng, biến động tỷ giá hối đoái bất lợi gây áp lực lạm phát tăng vào cuối quý III. Lưu thông hàng hóa thuận lợi nhưng tăng nhẹ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9 ước đạt 598,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,0% so với tháng 8 và tăng 11,3% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 5,176,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ, trong đó: Bán lẻ hàng hóa tăng 8,3% và chiếm tỷ trọng 76,3%; lưu trú, ăn uống tăng 14,8%, chiếm tỷ trọng 12,1%; du lịch, lữ hành tăng 20,5%, chiếm tỷ trọng 1,3%; dịch vụ khác tăng 12,1% và chiếm tỷ trọng 10,3% (Phụ lục 10).

**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG
TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ
NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ (%)**



Một số địa phương có mức tăng trưởng 9 tháng cao hơn hoặc bằng mức tăng của cả nước như: Doanh thu bán lẻ hàng hóa của Đà Nẵng tăng 9,4%; Cần Thơ tăng 8,8%; Hà Nội tăng 8,4%; Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng tăng 8,3%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống của Đà Nẵng tăng 18,1%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 18,0%. Doanh thu du lịch lữ hành của Thành phố Hồ Chí Minh tăng 24,3%; Hà Nội tăng 21,9%. Doanh thu dịch vụ khác của Huế tăng 17,4%; Bắc Ninh tăng 17,3%; Hải Phòng tăng 14,4%; Cần Thơ tăng 13,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,5%.

Áp lực lạm phát mạnh lên vào cuối quý III khi chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tăng với tốc độ nhanh. Nguyên nhân là do giá một số mặt hàng xa xỉ, hàng kim loại quý trên thị trường tăng cao nhất trong lịch sử và biến động tỷ giá hối đoái bất lợi. Tuy nhiên, lạm phát vẫn được kiểm soát dưới mức mục tiêu, tạo dư địa thực hiện các chính sách vĩ mô thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những tháng cuối năm.



Như vậy, tuy phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức; rủi ro, cơ hội đan xen nhưng dưới sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kinh tế trong nước tăng trưởng ổn định với tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt; thị trường chứng khoán hoạt động sôi động, thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt; vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng cao do nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư rất tích cực và quyết liệt trong triển khai thực hiện đầu tư trong nhiều ngành, lĩnh vực; thu, chi ngân sách Nhà nước đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước; thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định. Trong bối cảnh đó, Bộ Công Thương cũng đã chủ động, quyết liệt xây dựng cơ chế, chính sách và triển khai đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khai thác tối đa lợi thế để đẩy mạnh sản xuất, phát triển các kênh phân phối trong nước và mở rộng thị trường nước ngoài. Kết quả các chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại đã cho thấy kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, ba khu vực kinh tế chủ lực đều có sự cải thiện rõ rệt; các cân đối lớn trong sản xuất được bảo đảm; kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh; nguồn cung lương thực, thực phẩm, cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm; hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì mức

tăng khá; lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp;... là cơ sở củng cố niềm tin vào triển vọng bứt phá từ nay đến cuối năm.

III. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác xây dựng Luật và văn bản quy phạm pháp luật

Đối với Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025, Bộ Công Thương đã trình Quốc hội khóa XV thông qua Luật Hóa chất (sửa đổi); Luật sửa đổi bổ sung một số điều điều Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị quyết số 189/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận. Bên cạnh đó, Chính phủ đã thống nhất trình UBTVQH về việc bổ sung xây dựng Luật Thương mại điện tử vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025 tại Nghị quyết số 176/NQ-CP ngày 17/6/2025; thống nhất thông qua các chính sách của Luật Thương mại điện tử tại Nghị quyết số 191/NQ-CP ngày 26/6/2025; đang thực hiện các thủ tục bổ sung dự án Luật Công nghiệp trọng điểm, Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách tháo gỡ, khó khăn phát triển năng lượng giai đoạn 2025 - 2030 vào Chương trình lập pháp năm 2025.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, Bộ Công Thương đã thực hiện một khối lượng lớn các nhiệm vụ rà soát văn bản QPPL theo các Nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; đã và đang xây dựng 04 Luật, 01 Nghị quyết của Quốc hội, 42 Nghị định, 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 77 Thông tư, trong đó: Quốc hội đã thông qua 02 Luật, 01 Nghị quyết; trình cấp có thẩm quyền 19 Nghị định (có 15 Nghị định đã ban hành), 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (cả 03 Quyết định đã ký ban hành) và ban hành theo thẩm quyền 49 Thông tư. Ngoài ra, có 01/02 Nghị định trình từ năm 2024 đã được ban hành.

Bên cạnh đó, để thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị và Kế hoạch số 40-KH/BCĐ về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, ngày 19/4/2025, Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Triển khai thực hiện, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1739/QĐ-BCT ngày 18/6/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Để thể chế hoá các đổi mới về tư duy xây dựng pháp luật theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kết luận 119-KL/TW, quy định số 178-QĐ/TW và căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các nghị định hướng dẫn thi hành, Bộ trưởng đã ban hành Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 quy định về xây dựng, ban

hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương. Trên cơ sở đó, các đơn vị thuộc Bộ đã khẩn trương xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền các Thông tư liên quan.

Thực hiện Quyết định số 745/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI của Chính phủ” và trả lời Công văn số 3084/BTP-CTXDVBQPPL ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc tổng kết việc thực hiện Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI của Chính phủ, Bộ Công Thương đã gửi Bộ Tư pháp Báo cáo “Tổng kết việc thực hiện Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI của Chính phủ”.

Đối với Chương trình lập pháp năm 2026, Chính phủ đã có Tờ trình số 667/TTr-CP ngày 01/8/2025 đề xuất bổ sung các Luật vào Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó Bộ Công Thương được giao chủ trì soạn thảo 02 dự án Luật: (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Điện lực, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (2) Luật Dầu khí (sửa đổi).

2. Công tác quản lý và phát triển ngành công nghiệp

2.1. Đối với ngành Điện

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và đơn vị liên quan tập trung đưa các dự án nguồn điện lớn có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp điện đi vào vận hành, huy động tối đa các nguồn lực bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt; phối hợp chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị liên quan đảm bảo tiến độ, chất lượng đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm; kịp thời giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, tham mưu với Chính phủ các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, thu hút đầu tư, phát triển các loại hình năng lượng, đáp ứng nhu cầu cấp bách hiện nay.

- Trong công tác giám sát thị trường điện, đã tổ chức đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về thị trường điện tại một số đơn vị phát điện theo kế hoạch đã được phê duyệt. Qua đó, ban hành nhiều văn bản đôn đốc các đơn vị phát điện đủ điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh và tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

- Giao Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia rà soát đánh giá tổng thể thị trường điện cạnh tranh Việt Nam, trong đó đề xuất sửa đổi, bổ sung thiết kế Thị trường bán buôn điện cạnh tranh Việt Nam và khung thiết kế Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành điện Việt Nam trong giai đoạn tới.

- Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Chỉ thị số 02/CT-BCT ngày

23/01/2025 về việc bảo đảm cung cấp điện trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026-2030; ban hành Công điện số 4010/CĐ-BCT ngày 03/6/2025 về bảo đảm cung ứng điện trong các tháng cao điểm năm 2025 và thời gian tới; các Công điện số 6422/CĐ-BCT và số 6423/CĐ-BCT ngày 25/8/2025, số 6430/CĐ-BCT ngày 26/8/2025, số 6494/CĐ-BCT ngày 28/8/2025,... của Bộ Công Thương về việc tiếp tục triển khai quyết liệt công tác ứng phó, khắc phục thiệt hại do bão và hoàn lưu sau bão để bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản, sớm khôi phục sản xuất và ổn định đời sống.

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm các giải pháp bảo đảm cung ứng điện trong mùa mưa lũ và cho các tháng còn lại của năm. Theo dõi, bám sát tình hình vận hành hệ thống điện, lập phương thức huy động các nhà máy điện hợp lý để đảm bảo cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải trong các khung giờ cao điểm; thực hiện các biện pháp để bảo đảm chất lượng điện áp, bảo đảm vận hành hệ thống lưới điện an toàn, ổn định, liên tục.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình vận hành các thiết bị của các nhà máy điện; tuân thủ kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng, nỗ lực rút ngắn thời gian để tăng công suất sẵn sàng; đảm bảo cung cấp đủ nhiên liệu để đảm bảo độ khả dụng của các tổ máy, phòng, tránh sự cố tổ máy.

- Bám sát tiến độ các công trình lưới điện truyền tải, đặc biệt là các công trình truyền tải tăng cường khả năng cấp điện cho khu vực miền Bắc, các đường dây truyền tải tăng khả năng nhập khẩu điện Lào và Trung Quốc, các công trình lưới điện để chống quá tải, giải tỏa công suất, đảm bảo điện áp để tăng khả năng cung cấp điện.

- Tiếp tục theo dõi, bám sát tình hình thủy văn, thực hiện các giải pháp linh hoạt với mục tiêu tối ưu nguồn tài nguyên nước, kế hoạch tích nước các hồ thủy điện để bảo đảm cung cấp điện mùa khô năm 2026.

- Công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực tiếp tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công trực tuyến đảm bảo thuận tiện, tiết giảm chi phí cho đơn vị đề nghị cấp phép.

2.2. Đối với ngành Dầu khí

Tiếp tục nỗ lực thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh góp phần đảm bảo cung ứng đủ khí và xăng dầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trong mọi tình huống. Đặc biệt đối với các dự án trọng điểm về dầu khí, Bộ Công Thương thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, tổng hợp và báo cáo các khó khăn vướng mắc để Chính phủ, các Bộ, địa phương liên quan tháo gỡ kịp thời, phấn đấu duy trì nguồn cung xăng dầu ổn định cho thị trường trong nước.

2.3. Đối với ngành Than

Thường xuyên theo dõi và kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, bám sát tình hình cung cấp than cho sản xuất điện để đảm bảo ổn định thị trường than, cung cấp đủ than cho sản xuất điện và các nhu cầu sản xuất công

nghiệp khác.

2.4. Đối với ngành Hóa chất

Rà soát, cắt giảm đơn giản hóa 20 thủ tục hành chính liên quan đến quản lý nhà nước về hóa chất, đã đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa đối với 20 thủ tục hành chính liên quan đến hóa chất về Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra, đã thực hiện đổi mới phương thức quản lý, tăng cường hậu kiểm (trong Luật Hóa chất sửa đổi), bãi bỏ 10 nhóm thủ tục hành chính.

2.5. Công tác đảm bảo an toàn môi trường công nghiệp

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý an toàn đập và hồ chứa thủy điện đối với chủ đập thủy điện và tổ chức kiểm tra các công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và các công trình nằm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên.

- Tổ chức cập nhật thông tin hồ chứa thủy điện, theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn và phối hợp với các cơ quan có liên quan để vận hành hồ chứa theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

- Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị liên quan quán triệt công tác chấp hành các quy định về an toàn điện trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện đúng quy trình, quy định, các biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; kịp thời phối hợp với các đơn vị triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả khi có sự cố.

- Ban hành Chỉ thị về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025; Công điện đề nghị chủ động ứng phó với bão lũ, ngập lụt và áp thấp nhiệt đới trên biển Đông; Quyết định phê duyệt Kế hoạch công tác phòng chống, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025 và tổ chức kiểm tra tại một số đơn vị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định quản lý vận hành hồ chứa quặng đuôi trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản; đôn đốc, hướng dẫn các Sở Công Thương địa phương, các Chủ sở hữu hồ chứa quặng đuôi trên phạm vi cả nước thực hiện các quy định về quản lý, vận hành, giám sát an toàn, xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hồ chứa quặng đuôi và thực hiện các quy định về chế độ báo cáo.

- Trong công tác bảo vệ môi trường và phát triển công nghiệp môi trường, Bộ đã chủ động xây dựng nội dung, phương án đàm phán, chuẩn bị tham gia các vòng đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa; xây dựng nội dung MOU về chương trình hợp tác về quản lý phát thải thủy ngân trong một số ngành công nghiệp giai đoạn 2025-2027 với nhóm đối tác Nhật Bản;...

3. Công tác quản lý và phát triển thị trường trong nước

- Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi,

vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến hết năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2020-2025; Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi đến năm 2030 (giai đoạn 1 từ 2021-2025).

- Phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố theo dõi, quản lý hoạt động của các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ; giám sát và thực hiện chính sách đối với hoạt động kinh doanh thuốc lá, rượu, an toàn thực phẩm,...

- Từ đầu năm đến nay (tính đến kỳ điều hành ngày 9/10/2025), giá các mặt hàng xăng dầu đã qua 41 kỳ điều hành và 42 lần điều chỉnh giá (kỳ điều hành ngày 26/6/2025 có 02 lần điều chỉnh giá do thay đổi về thuế VAT từ ngày 01/7/2025), trong đó mặt hàng xăng E5RON92 có 24 lần tăng, 18 lần giảm; xăng RON95-III có 23 lần tăng, 19 lần giảm; mặt hàng dầu diesel có 21 lần tăng, 21 lần giảm; dầu hỏa có 26 lần tăng, 16 lần giảm; dầu madut có 20 lần tăng, 22 lần giảm. Kể từ khi thực hiện điều hành giá xăng dầu rút xuống 7 ngày, giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới, doanh nghiệp chủ động tính toán được mức giá, lên kế hoạch nhập hàng nên nguồn cung xăng dầu cơ bản được đảm bảo. Vì thế nên tác động của điều chỉnh giá bán xăng dầu lên kinh tế - xã hội không lớn, góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh và sử dụng xăng dầu.

- Nguồn cung xăng dầu trong 9 tháng cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu. Bộ sẽ tiếp tục bám sát tình hình sản xuất của hai nhà máy, tình hình nhập khẩu xăng dầu của các thương nhân và tình hình tiêu thụ xăng dầu trong nước để bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước.

- Chủ động ban hành nhiều Chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, lực lượng chức năng tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh hàng nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ trên phạm vi cả nước, đặc biệt tập trung vào nhóm mặt hàng lương thực, thực phẩm, dược liệu, thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và lĩnh vực thương mại điện tử.

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương, các đơn vị, lực lượng chức năng bám sát địa bàn, diễn biến của thị trường, tăng cường thu thập, phân tích thông tin về diễn biến cung cầu, giá cả hàng hóa, chú trọng các mặt hàng thiết yếu, dễ bị lợi dụng để đầu cơ, buôn lậu như các sản phẩm sữa, thuốc tân dược, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xăng dầu, đường, thuốc lá, phân bón, thực phẩm chế biến, thực phẩm từ động thực vật... Chủ động phát hiện những biến động bất thường, những vấn đề nổi cộm của thị trường, từ đó có phương án kiểm tra, kiểm soát, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về công tác chống buôn lậu, gian lận

thương mại, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; cung cấp nhiều thông tin và trực tiếp trả lời phỏng vấn nhiều cơ quan thông tấn, báo chí xoay quanh việc tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác này, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng.

- Tập trung rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền kiểm tra, xử phạt của các chủ thể thuộc lực lượng quản lý thị trường và các lực lượng chức năng theo hướng phân định rõ trách nhiệm, địa bàn, lĩnh vực, không chồng chéo, không bỏ sót, báo cáo theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Công Thương các địa phương chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường nắm vững diễn biến tình hình thị trường, công tác quản lý địa bàn, phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng tại địa phương thực hiện kiểm tra, xử lý nghiêm các vụ việc kinh doanh hàng nhập lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm như: Hà Nội, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Thanh Hóa, Phú Yên, Đà Nẵng, Huế, Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Tây Ninh, Cần Thơ... từ đó chỉ ra nguyên nhân vi phạm để kiến nghị các giải pháp khắc phục với cơ quan có thẩm quyền.

- Thành lập các đoàn kiểm tra chuyên ngành kiểm tra từ khâu cấp phép, sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa; tổ chức làm việc với Sở Công Thương một số địa phương, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm để kịp thời đôn đốc, nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai các Công điện, Chỉ thị để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kịp thời.

4. Công tác quản lý và phát triển thương mại điện tử

- Chủ động tích cực phối hợp, chia sẻ dữ liệu thương mại điện tử với cơ quan thuế thông qua hệ thống điện tử (Đã kết nối Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử với Hệ thống quản lý Thuế của Bộ Tài chính).

- Rà soát chéo với cơ quan thuế, chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử đối với thương nhân không hoạt động hoặc không thực hiện việc khai báo với cơ quan thuế; phối hợp với cơ quan thuế đối chiếu, rà soát chéo nền tảng thương mại điện tử bán hàng; phối hợp với Bộ Công an gửi danh sách nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới không thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ theo quy định pháp luật để nghiên cứu và áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo thẩm quyền; phối hợp với lực lượng hải quan trong việc xác định các nền tảng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử xuyên biên giới để có biện pháp ngăn chặn việc thông quan hàng hóa được giao dịch qua các nền tảng này.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao tinh thần tuân thủ pháp luật và bảo vệ người tiêu dùng trên không gian mạng.

- Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền theo Nghị định số

146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động thông báo website/ứng dụng TMĐT bán hàng và đăng ký đánh giá tín nhiệm website TMĐT đã được chuyển về xử lý tại các địa phương.

- Đã chủ trì đăng cai tổ chức Hội nghị đặc biệt của Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN về Hiệp định khung về Kinh tế số (DEFA) của ASEAN, dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Đây là Hiệp định khu vực độc lập đầu tiên về kinh tế số của ASEAN, được kỳ vọng thiết lập nền tảng vững chắc để khu vực trở thành trung tâm kinh tế số hàng đầu.

Tính đến hết ngày 29 tháng 8, Bộ Công Thương đã tiếp nhận tổng số 343 hồ sơ mới đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT. Về phía Sở Công Thương tại các địa phương, có tổng số 1.523 hồ sơ mới thông báo website/ứng dụng TMĐT. Phối hợp với các sàn TMĐT lớn để xử lý vi phạm 798 sản phẩm và 303 gian hàng vi phạm đã bị gỡ bỏ, tập trung vào các lĩnh vực như thực phẩm chức năng, chăm sóc sức khỏe, các sản phẩm giá rẻ với chất lượng thấp,...

5. Công tác triển khai đầu tư công

Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao 423,506 tỷ đồng vốn trong nước, Bộ Công Thương đã phân bổ 100% số vốn được giao. Hiện tại, Bộ đang rà soát điều chỉnh kế hoạch năm 2025 để phù hợp với tình hình thực tế triển khai các dự án.

Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng 9 là 69,731 tỷ đồng, đạt 16,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

6. Công tác hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển thị trường ngoài nước

- Triển khai đồng bộ các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và hoàn thành kế hoạch đề ra, đảm bảo thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế của Việt Nam trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các tổ chức hợp tác đa phương mà Việt Nam là thành viên.

- Tiếp tục chủ động, tích cực trong triển khai các quy trình, thủ tục nhằm phê duyệt các FTA đã ký kết; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP ngày 15/5/2025 về việc phê duyệt Hiệp định CEPA, đây là Hiệp định thương mại tự do đầu tiên Việt Nam ký với một nước Á-rập, mở ra thời kỳ mới trong quan hệ được nâng cấp và ngày càng đi vào thực chất giữa Việt Nam với UAE nói riêng cũng như các nước Á-rập nói chung.

- Khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Hội đồng Hợp tác các nước Á-rập Vùng Vịnh (GCC): Để bảo đảm kịp thời triển khai các thủ tục cần thiết theo quy trình của Luật Điều ước quốc tế năm 2026, Bộ Công Thương đã lấy ý kiến các Bộ, ngành về dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ chuẩn bị cho khởi động đàm phán Hiệp định FTA giữa Việt Nam và

GCC, sẵn sàng tuyên bố khởi động đàm phán FTA Việt Nam và GCC trong thời gian tới.

- Khởi động đàm phán FTA Việt Nam - MERCOSUR: Đã tổ chức Phiên họp cấp kỹ thuật nhằm trao đổi các nội dung liên quan đến phạm vi đàm phán cũng như thống nhất định hướng triển khai trong thời gian tới.

- Đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối EFTA: Chuẩn bị nội dung và tham dự Phiên đàm phán thứ 17 tại Geneva. Tại phiên đàm phán này, hai bên đã đạt được nhiều tiến triển tích cực, rút ngắn sự khác biệt đáng kể trong nhiều vấn đề còn tồn đọng, đồng thời xác định được các vấn đề cốt lõi cần báo cáo cấp có thẩm quyền nhằm kết thúc đàm phán; đang dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả phiên đàm phán và phương hướng để kết thúc đàm phán FTA giữa Việt Nam và Khối EFTA.

- Giải quyết các vấn đề mà EU quan tâm trong khuôn khổ FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) như: Việc cấp phép các hồ sơ nông sản của EU, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có cồn, dược phẩm, việc thực thi Phụ lục 2B liên quan đến ô tô và phụ tùng ô tô, yêu cầu bổ sung một số chỉ dẫn địa lý của EU được bảo hộ trong Hiệp định EVFTA, Luật Dữ liệu và các Nghị định hướng dẫn. Dự kiến trong tháng 9 sẽ đồng chủ trì với Bộ trưởng Ủy ban Thương mại Hiệp định EVFTA lần thứ 4 để xử lý các vấn đề, trong đó có vấn đề cấp phép các hồ sơ nông sản mà EU đặc biệt quan tâm.

- Tiếp tục đàm phán gia nhập Hiệp định CPTPP với Costa Rica và các nền kinh tế khác; đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA); Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc; đàm phán rà soát, nâng cấp Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIGA); Đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Canada; Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Australia - New Zealand; đàm phán để Timor-Leste gia nhập Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA); Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc và các FTA khác.

- Tiếp tục thực thi hiệu quả các FTA đã được ký kết và phê duyệt, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường FTA, bao gồm các FTA thế hệ mới như CPTP, EVFTA, UKVFTA liên tục tăng trưởng cao.

- Ban hành đúng tiến độ Nghị định số 13/2025/NĐ-CP ngày 21/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2022 - 2027.

- Các hoạt động tuyên truyền được triển khai đồng bộ và có trọng tâm như: Xây dựng Hệ sinh thái tận dụng FTA; các nội dung liên quan phát triển bền vững theo các FTA; thông tin thị trường và hướng dẫn tiếp cận thị trường FTA; các chương trình hỗ trợ riêng cho tận dụng FTA; nâng cao giá trị thương hiệu cho doanh nghiệp tại thị trường FTA; hướng dẫn các cam kết trong các FTA;...

- Bộ trưởng Bộ Công Thương với trọng trách Trưởng đoàn đàm phán của

Chính phủ Việt Nam với các đối tác Hoa Kỳ về thỏa thuận thương mại liên quan thuế đối ứng và xây dựng quan hệ thương mại cân bằng, công bằng, bền vững, bám sát chỉ đạo của Lãnh đạo cấp cao, phối hợp chặt chẽ các Bộ, ngành hữu quan trao đổi hiệu quả với các đối tác tại Bộ Thương mại và Cơ quan đại diện thương mại Hoa Kỳ để thống nhất các nội dung cơ bản trước khi báo cáo Lãnh đạo cấp cao hai nước phê duyệt.

- Triển khai Đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực thi các FTA của các địa phương (FTA INDEX) để đo lường hiệu quả thực thi FTA.

7. Công tác phòng vệ thương mại

- Tổ chức Diễn đàn Phòng vệ thương mại năm 2025 với chủ đề “Chủ động phòng vệ - Tăng tốc hội nhập - Thúc đẩy kinh tế tư nhân trong chuỗi cung ứng toàn cầu” nhằm nâng cao sự hiểu biết của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại và khẳng định vai trò chủ động, tích cực của Bộ Công Thương trong việc sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại được quốc tế công nhận để bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

- Hỗ trợ, giúp doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng chủ động ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam góp phần thúc đẩy xuất khẩu bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra và áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

- Thường xuyên cập nhật danh sách, đăng tải thông tin cảnh báo sớm các mặt hàng có khả năng bị nước ngoài điều tra trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, đồng thời gửi thông báo đến các cơ quan, hiệp hội liên quan.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, đào tạo và nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại; làm việc với các hiệp hội, doanh nghiệp liên quan để hướng dẫn việc ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại; tiếp tục triển khai kế hoạch phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan tại các tỉnh/thành phố để tổ chức các hoạt động hội thảo, cung cấp thông tin về phòng vệ thương mại.

Tính đến nay, Bộ Công Thương đã hoàn thành điều tra và áp thuế chính thức với thép mạ và thép cán nóng; hiện đang xử lý 03 vụ việc chống bán phá giá đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng được nêu trong Chỉ thị 28/CT-TTg là ván gỗ MDF, kính nổi và gạch ốp lát (vụ việc kính nổi và gạch ốp lát vừa khởi xướng trong tháng 7 và tháng 8/2025 và đang tiến hành điều tra; vụ việc gỗ MDF hiện đang hoàn thiện điều tra sơ bộ và dự kiến có thể áp dụng biện pháp tạm thời); tiến hành rà soát các biện pháp đang có hiệu lực đối với nhiều sản phẩm như màng BOPP, bột ngọt, thép cán nguội, sợi polyester, đường mía, thép hình chữ H...

Trong công tác ứng phó với các vụ việc PVTM do nước ngoài điều tra và áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, đến nay đã có 292 vụ việc điều

tra PVTM từ 25 thị trường và vùng lãnh thổ điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam (160 vụ điều tra chống bán phá giá; 59 vụ việc tự vệ; 40 vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM; 33 vụ việc). 8 tháng, hàng hóa xuất khẩu Việt Nam phải đối mặt với 15 vụ việc PVTM nước ngoài mới khởi xướng phát sinh từ 09 thị trường, trong đó, Hoa Kỳ vẫn là nước điều tra nhiều nhất với 07 vụ việc; mặt hàng thép phải đối mặt với 06 vụ việc mới khởi xướng nhất. Bên cạnh đó, nhiều nước cũng ban hành các quy định mới nhằm hạn chế nhập khẩu thép như Hoa Kỳ (tăng thuế 232), Canada (áp dụng hạn ngạch nhập khẩu và thuế ngoài hạn ngạch), Mexico (thắt chặt quy định đăng ký nhà máy sản xuất thép hợp lệ), Ấn Độ (bổ sung quy định tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào)...

8. Công tác xúc tiến thương mại

- Thực hiện phân quyền 03 nhiệm vụ và phân cấp 01 nhiệm vụ lĩnh vực xúc tiến thương mại tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, đồng thời, rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 13 thủ tục hành chính liên quan đến xúc tiến thương mại.

- Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại đã được triển khai với định hướng đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường tận dụng và khai thác cơ hội từ các thị trường có FTA nhằm đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài cho hoạt động xuất khẩu, đồng thời, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại liên kết vùng, miền nhằm phát triển thị trường trong nước.

- Ban hành Quyết định số 1635/QĐ-XTTM ngày 05/6/2025 về việc tổ chức “Chương trình Khuyến mại tập trung quốc gia năm 2025 - Vietnam GrandSale 2025”.

- Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2025 được triển khai thực hiện. Trong 8 tháng đã có 32 đề án hoàn thành công tác triển khai thực hiện gồm: Các đề án tổ chức tham gia các hội chợ quốc tế ngành hàng nông sản hữu cơ, rau quả, thực phẩm - đồ uống, thủy sản, thủ công mỹ nghệ, phần mềm, dệt may tại các thị trường lớn như Đức, Mỹ, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, UAE, Lào...; đoàn giao dịch thương mại tại Campuchia, Ba Lan, Séc, Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Mỹ, Brazil; hội nghị quốc tế các ngành hàng xuất khẩu (da giày, phần mềm); xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường (gạo, cao su); hội chợ XTTM thị trường trong nước cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm của khu vực kinh tế tập thể; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước, đặc biệt khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo; tập huấn, nâng cao năng lực XTTM cho các doanh nghiệp trong nước. Các đề án XTTM đã hỗ trợ gần 1.700 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức XTTM tham gia hơn 600 gian hàng và hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình (chưa tính các doanh nghiệp được hưởng lợi thông qua việc tiếp cận từ các phương tiện thông tin đại chúng). Trong đó đối với các hoạt động XTTM phát triển ngoại thương, đã có trên 70 hợp đồng được ký kết trực tiếp với tổng giá trị đạt hơn 9 triệu USD và thu hút gần 80 nghìn lượt khách quan tâm đến sản phẩm, hàng hóa Việt Nam. Đối với các hoạt động

XTTM trong nước, các hội chợ, triển lãm trong nước có quy mô cấp vùng, thu hút trung bình trên 200 doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm, hàng hóa tại khoảng 300 gian hàng; với doanh thu dao động từ 20 - 50 tỷ đồng và thu hút hàng trăm nghìn lượt khách tham dự, mua sắm. Các hội chợ không chỉ góp phần kích cầu tiêu dùng, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận các mặt hàng Việt Nam có chất lượng, mẫu mã đa dạng, giá cả cạnh tranh mà còn giúp nhà sản xuất trong nước, các thương hiệu hàng Việt Nam quảng bá, chinh phục người tiêu dùng Việt Nam.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp xúc tiến thương mại, thể hiện bước chuyển quan trọng từ cách làm xúc tiến thương mại thụ động sang chủ động, bài bản, hiện đại, gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Chương trình Thương hiệu Quốc gia tiếp tục triển khai hiệu quả với nhiều hoạt động nhằm phát triển thương hiệu quốc gia, tăng cường nhận thức của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp về Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam và sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam; tổ chức nhiều hoạt động truyền thông và quảng bá nhằm nâng cao nhận thức xã hội và cộng đồng doanh nghiệp về giá trị của thương hiệu gắn với năng lực cạnh tranh quốc gia.

9. Công tác quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Về công tác giám sát cạnh tranh, đã tiếp nhận và xử lý 76 hồ sơ thông báo Tập trung kinh tế trong nhiều ngành/lĩnh vực như công nghiệp điện, điện tử, công nghệ thông tin và viễn thông, bất động sản, vật liệu xây dựng, và dịch vụ.

- Về công tác xác minh, điều tra vụ việc cạnh tranh, đã tiếp nhận, xác minh và đánh giá 52 vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh; đã ban hành 04 quyết định điều tra vụ cạnh tranh không lành mạnh; đã ban hành 05 quyết định xử lý vụ cạnh tranh đối với 05 doanh nghiệp với tổng số tiền phạt 01 tỷ đồng. Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức điều tra 18 vụ cạnh tranh, ra quyết định xử lý 10 vụ với tổng số tiền phạt gần 3,224 tỷ đồng.

- Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phối hợp Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam và UBND Thành phố Hải Phòng tổ chức Lễ phát động Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2025; tổ chức Triển lãm Thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững năm 2025 với chủ đề “Tiêu dùng bền vững hướng đến kỷ nguyên xanh”; tổ chức Diễn đàn Tiêu dùng bền vững năm 2025. Các sự kiện đã thu hút sự quan tâm và tham gia của đông đảo người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông.

- Về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, đã ban hành văn bản chỉ đạo nhằm chấn chỉnh hoạt động bán hàng đa cấp, đồng thời, ban hành văn bản đề nghị các doanh nghiệp bán hàng đa cấp rà soát việc kinh doanh, quảng cáo sản phẩm thực phẩm, mỹ phẩm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý sản phẩm; đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bán hàng đa cấp với 2 doanh nghiệp theo kế hoạch kiểm tra và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 375 triệu đồng.

- Hoàn thành tốt vai trò cơ quan thành viên của Nhóm chuyên gia cạnh tranh ASEAN (AEGC) và Ủy ban Bảo vệ người tiêu dùng ASEAN (ACCP) thông qua việc tham dự Cuộc họp AEGC lần thứ 34 và Cuộc họp ACCP lần thứ 30; phối hợp với cơ quan cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng ASEAN triển khai các hoạt động khu vực theo Chương trình hành động ASEAN về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng.

- Đã ký kết Bản hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng với Đại sứ quán Vương quốc Anh và Bắc Ai-len tại Việt Nam, Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực cạnh tranh với Tổng cục Quản lý Giám sát thị trường Trung Quốc; tham gia diễn đàn quốc tế về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng.

10. Công tác quản lý hoạt động khuyến công và cụm công nghiệp

- Tiếp tục triển khai Chương trình khuyến công quốc gia hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu; giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hoạt động khuyến công ngày càng chất lượng, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu và phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Thực hiện rà soát, ký hợp đồng 61 đề án trong Chương trình Khuyến công quốc gia năm 2025 với tổng kinh phí 63,71 tỷ đồng giao các địa phương và các tổ chức dịch vụ khuyến công thực hiện, đồng thời, triển khai công tác đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện đối với 10 đề án với tổng kinh phí 27,87 tỷ đồng; tổng hợp đăng ký bổ sung đề thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phân bổ 2 nhóm đề án với tổng kinh phí là 51,42 tỷ đồng của các địa phương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các hoạt động phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, kết nối giao thương tại các địa phương, góp phần phát triển công nghiệp và thương mại tại các địa phương.

- Trong công tác quản lý tiểu thủ công nghiệp, đã thẩm định 70 hồ sơ đề nghị phong tặng, gửi Văn phòng Chủ tịch nước xem xét, trình Chủ tịch nước ký Quyết định phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ lần thứ 6. Đến nay, Chủ tịch nước đã phê duyệt, công nhận 53 Nghệ nhân.

11. Tình hình thực hiện các Đề án, Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ

Năm 2025, Bộ Công Thương được giao trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 21 đề án, chương trình (trong đó có 02 nhiệm vụ từ 2024 chuyển sang). Đến hết tháng 9, đã hoàn thành/đã có Tờ trình Chính phủ 14/16 nhiệm vụ (Phụ lục 11).

IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG THÁNG 10

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng trên 8,3% năm 2025 và trên 10,0% giai đoạn tiếp theo, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ, đặc biệt là chương trình phục hồi phát triển kinh tế, các Nghị quyết mới của Bộ Chính trị ban hành, trong tháng 9, Bộ Công Thương quán triệt tới các đơn vị thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp ngành Công Thương tập trung thực hiện quyết liệt một số nhiệm vụ chính sau:

1. Nghiêm túc, khẩn trương thực hiện các nội dung chỉ đạo tại các Công điện số 146/CĐ-TTg và số 147/CĐ-TTg ngày 25/8/2025, 148/CĐ-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ và các Công điện số 6422/CĐ-BCT và số 6423/CĐ-BCT ngày 25/8/2025, số 6430/CĐ-BCT ngày 26/8/2025, số 6494/CĐ-BCT ngày 28/8/2025 của Bộ Công Thương về việc tiếp tục triển khai quyết liệt công tác ứng phó, khắc phục thiệt hại do bão số 10 và hoàn lưu sau bão để bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản, sớm khôi phục sản xuất và ổn định đời sống.

2. Chuẩn hóa toàn bộ quy trình sản xuất để tổ chức sản xuất hợp lý, hiệu quả; rà soát và tiết giảm chi phí để hạ giá thành sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và thương hiệu của doanh nghiệp; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ để giảm lượng hàng tồn kho một số sản phẩm; tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc để khẩn trương đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; đẩy mạnh đầu tư các công trình, dự án đã được rà soát, nhất là các dự án hạ tầng trọng điểm vừa được khởi công mới và các dự án tăng cường năng lực sản xuất hàng xuất khẩu.

3. Tăng cường xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu; tận dụng hiệu quả các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA); tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, chủ động xây dựng chiến lược trong mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng mức độ hiện diện của doanh nghiệp trong các nền kinh tế mới; đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong việc đấu tranh, ứng phó với các hạn chế, rào cản thương mại từ các nước đối tác đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

4. Tích cực tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm tại thị trường nội địa; hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm cho người dân. Phối hợp với các tỉnh/thành phố tích cực triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn và triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu, Đề án nhằm ổn định và phát triển thị trường trong nước; triển khai thực hiện tốt các biện pháp bình ổn giá; có biện pháp dự trữ một số mặt hàng thiết yếu để kịp thời ứng cứu khi xảy ra thiên tai, bão lũ.

5. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát diễn biến thị trường để chủ động xử lý những vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng, giá cả hàng hoá,... gây ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu dùng trong nước; không để xảy ra hiện tượng đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý; xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận

thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng; kiểm soát chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm hàng hoá lưu thông trên thị trường.

6. Để bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước, các thương nhân kinh doanh xăng dầu tuyệt đối không để gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong hệ thống kinh doanh; trong mọi tình huống phải cung cấp đủ hàng cho cửa hàng bán lẻ để duy trì hoạt động bán hàng thường xuyên; thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kế hoạch nhập khẩu, mua xăng dầu của các nhà máy Lọc dầu, dự trữ lưu thông;...

7. Đẩy nhanh công tác xây dựng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2025, các Nghị quyết của Chính phủ và của Bộ Công Thương.

8. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp, ưu tiên phát triển, làm chủ và chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi và các ngành công nghiệp phụ trợ.

9. Tập trung xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án khung pháp lý về phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, mô hình quản trị thông minh, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.

10. Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng lựa chọn, phát triển nhóm sản phẩm chủ lực gắn với Thương hiệu quốc gia, triển khai các chương trình xúc tiến thương mại quy mô lớn, chuyên sâu theo từng ngành hàng tại các thị trường trọng điểm; tăng cường xúc tiến thương mại đối với các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh tại các thị trường có FTA/CEPA với Việt Nam, thị trường ngách và thị trường mới như thị trường sản phẩm Halal, Saudi Arabia, Ai Cập, UAE, Brazil, thị trường Bắc Phi

11. Tập trung giải quyết đề xuất đầu tư các dự án nguồn điện theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, nhất là các tổ hợp điện khí, điện gió của các nhà đầu tư nước ngoài; xử lý dứt điểm các dự án điện tồn đọng kéo dài.

12. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý, đôn đốc các công trình năng lượng, dự án điện, truyền tải quan trọng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, cung ứng đủ điện, xăng dầu và hàng hóa thiết yếu, nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân, tuyệt đối không để thiếu điện, xăng dầu trong bất cứ trường hợp nào.

13. Khẩn trương rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung, các quy định về: Cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn; Phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, điện tự sản xuất, tự tiêu thụ;...

14. Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn; thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghệ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đảng uỷ Bộ (để báo cáo);
- Các Vụ, Cục (qua eMOIT);
- Lưu VT, KHTC (TBT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng